

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2019/ HNGĐ-ST
Ngày: 07 tháng 6 năm 2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Đính

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Lan

2. Bà Nguyễn Thị Mỹ

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Thành Long - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 11/2019/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2019 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Ksor Đ; Địa chỉ nơi cư trú: Làng D, xã K, huyện G, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Bị đơn: Chị Siu B; Địa chỉ nơi cư trú: Làng D, xã K, huyện G, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Nguyên đơn Ksor Đ trình bày:*

- Về hôn nhân: Anh Ksor Đ và chị Siu B chung sống với nhau từ năm 2006 nhưng đến ngày 04-3-2010 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện G, tỉnh Gia Lai theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống, vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên hay xảy ra cãi nhau, đánh nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay, chị Siu B cũng đã sống chung như vợ chồng với người đàn ông khác, vợ chồng không còn tình cảm và không còn khả năng đoàn tụ. Vì vậy, anh Đ yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị Siu B.

- Về con chung: Anh Ksor Đ và chị Siu B có 02 con chung là cháu Siu K, sinh ngày 30 tháng 11 năm 2006 và cháu Siu O, sinh ngày 24 tháng 9 năm 2011.

Anh Ksor Đ yêu cầu được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Siu K đến khi thành niên, không yêu cầu chị Siu B cấp dưỡng nuôi con và giao cháu Siu O cho chị Siu B tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên.

- Về tài sản chung: Anh Ksor Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng để triệu tập bị đơn Siu B đến làm việc liên quan đến vụ án nhưng chị Siu B cố tình trốn tránh, không có mặt theo Giấy triệu tập. Do vậy, hồ sơ không có lời khai của chị Siu B.

3. Đương sự đã giao nộp và Tòa án thu thập các tài liệu, chứng cứ: Bản sao Chứng minh nhân dân chị Siu B; Bản sao Sổ hộ khẩu Ksor Đ; Bản sao Giấy khai sinh cháu Siu K và cháu Siu O; Đơn xin xác nhận ngày 06-12-2018; Giấy chứng nhận kết hôn; Bản tự khai của Ksor Đ; Biên bản lấy ý kiến của con chưa thành niên đối với cháu Siu K và cháu Siu O; Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 19-3-2019; Biên bản xác minh ngày 12-4-2019.

4. Phát biểu ý kiến, đại diện Viện kiểm sát khẳng định trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử cũng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng kể từ khi bắt đầu phiên tòa cho đến trước khi nghị án; Đối với bị đơn đã được triệu tập đến phiên tòa hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt; Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn phù hợp với quy định của pháp luật, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại các Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết. Trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng cần thiết theo quy định của pháp luật; Đối với bị đơn, trong quá trình giải quyết vụ án cố tình trốn tránh, không tham gia phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt.

[2] Về hôn nhân: Anh Ksor Đ và chị Siu B chung sống với nhau từ năm 2006, đến ngày 04-3-2010 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện G, tỉnh Gia Lai. Anh Ksor Đ và chị Siu B kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp. Hội đồng xét xử thấy rằng, trong thời gian sống chung anh Ksor Đ và chị Siu B bất đồng quan điểm nên hay xảy ra cãi nhau, đánh nhau, đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay, chị Siu B cũng đã sống chung như vợ chồng với người đàn ông khác. Như vậy, có đủ căn cứ để khẳng định mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Ksor Đ và chị Siu B đã quá trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Ksor Đ.

[3] Về con chung: Anh Ksor Đ và chị Siu B có 02 con chung là cháu Siu K, sinh ngày 30 tháng 11 năm 2006 và cháu Siu O, sinh ngày 24 tháng 9 năm 2011. Anh Ksor Đ yêu cầu được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Siu K đến khi thành niên, không yêu cầu chị Siu B cấp dưỡng nuôi con và giao cháu Siu O cho chị Siu B tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên. Yêu cầu nuôi con của anh Ksor Đ phù hợp với nguyện vọng của cháu Siu K và cháu Siu O, chị Siu B cũng không có ý kiến gì liên quan đến yêu cầu nuôi con của anh Ksor Đ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Anh Ksor Đ không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Anh Ksor Đ là người khởi kiện yêu cầu ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng các Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa anh Ksor Đ và chị Siu B.

2. Về con chung:

Giao con chung của anh Ksor Đ và chị Siu B là cháu Siu K, sinh ngày 30 tháng 11 năm 2006 cho anh Ksor Đ và giao cháu Siu O, sinh ngày 24 tháng 9 năm 2011 cho chị Siu B tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi thành niên hoặc đã thành niên mà mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Anh Ksor Đ và chị Siu B đều không phải cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

3. Về án phí: Buộc anh Ksor Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0005503 ngày 01 tháng 02 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Gia Lai. Anh Ksor Đ đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo Bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- UBND xã K;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)**

Lê Văn Đính